

Bản án số: 100/2023/HS-PT
Ngày: 18 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Công Huân

2. Ông Trần Minh Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 520/2022/TLPT-HS ngày 28/12/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Thị T1, Trần Trường G, Lê Thành D do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị T1 và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

1. Họ và tên: **Trần Thị T1**; giới tính: nữ; sinh ngày: 28/7/2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 169/102/27/2 NTT, Phường HH, quận BT, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 169/72/200B NTT, Phường HH, quận BT, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVN (chết) và bà TTL; có chồng NCT (không đăng ký kết hôn, là bị cáo trong vụ án) và có hai con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- **Các bị cáo bị kháng nghị:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Công T**, giới tính: nam; sinh ngày: 25/02/1995, tại tỉnh Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: Ấp GL, xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NHK và bà NTP; có vợ Trần Thị T1 (chưa đăng ký kết hôn, là bị cáo trong vụ án) và có 01 con sinh năm 2022; tiền sự: không;

Tiền án: Bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 156/2014/HSST ngày 13/8/2014, chưa xóa án tích; Bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 525/2016/HSST ngày 29/12/2016, chưa xóa án tích;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 14/6/2022; đã chấp hành xong hình phạt tù (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Trường G**, giới tính: nam; sinh ngày: 09/9/1979, tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, TĐ, PĐ, VT, Kiên Giang; nơi cư trú: 342 L 4-5, phường BHHB, quận BT, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông DP (chết) và bà NTT (chết); có vợ và hai con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 15/11/2022 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Lê Thành D**, giới tính: nam; sinh ngày: 17/02/1972, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Khóm HB, phường VM, thành phố CĐ, tỉnh An Giang; nơi cư trú: 342 L 4-5, phường BHHB, quận BT, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVS (chết) và bà HTB; có vợ và 03 người con (nhỏ nhất sinh năm 2005, lớn nhất sinh năm 1991); tiền án: Không; tiền sự: Không;

Ngày 15/11/2022 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Ngô Lê Đạt P, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: 11/15 đường số 10, LPM, phường BT, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm: 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: 95/38A LVD, Phường B, quận BT, TP. Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: 40/20D NGT, Phường M, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Công T và Trần Thị T1 cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Ngoài ra, Nguyễn Công T cùng đối tượng tên Giàu (chưa rõ thân nhân, lai lịch) cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 25/12/2020, Nguyễn Công T điều khiển xe mô tô hiệu Vision màu đỏ (không rõ biển số) đến chợ Thị Nghè, quận Bình Thạnh gặp đối tượng tên Giàu (bạn ngoài xã hội, không rõ thân nhân, lai lịch) rủ đi trộm cắp tài sản, Giàu đồng ý. Sau đó, T chở Giàu đi tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khoảng 23 giờ 55 phút cùng ngày, khi đến trước chung cư SCN, 27 NHT, phường TH, Quận B phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade màu đen, biển số: 60U2-8151 của ông Ngô Lê Đạt P không người trông coi dựng trước trụ ATM Ngân hàng VPBank nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Giàu ngồi trên xe Vision của

T để cảnh giới, T đi bộ đến dùng đoạn mang theo bẻ khóa xe biển số 60U2-8151 rồi điều khiển xe cùng Giàu chạy về tiệm sửa xe tại số 117/75 NHC, Phường HH, quận BT bán cho NDT với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán xe, T chia cho Giàu 500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng T giữ tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận số 23/KL-HĐĐGTTTHS ngày 31/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade màu đen, biển số: 60U2-8151, trị giá 8.800.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 06/3/2021, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Vision (không nhớ biển số) chở Giàu đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, đến khu vực bến tàu Bạch Đằng, đối diện 10B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1 phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Future Neo, màu đỏ đen, biển số 51M5-4677 của ông Võ Tấn L, không người trông giữ; T dùng xe giao cho Giàu điều khiển để cảnh giới, T đi bộ dùng đoạn chuẩn bị từ trước mở khóa, điều khiển xe mô tô biển số 51M5-4677 cùng Giàu bỏ chạy. Trên đường đi T đã tháo biển số 51M5-4677 vứt bỏ, gắn biển số 59L2-787.79 vào xe mới trộm cắp được, điều khiển đến gửi tại bãi giữ xe của Bệnh viện Nhi đồng 2 số 33 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1 cất giấu. Do sợ bị phát hiện, T đã bỏ xe, không lấy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu hồi xe, trả lại người bị hại.

Tại bản Kết luận số 81/KL-HĐĐGTTTHS ngày 09/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Future Neo màu đỏ đen, biển số 51M5-4677, trị giá 10.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 04/6/2022, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Vario biển số 59E1-914.09 chở Trần Thị T1 đi tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đang đi trên đường Nguyễn Huệ, Quận 1, T phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Vario biển số 92L1-336.78 của bà Nguyễn Thị Thảo V để đối diện nhà số 22-36 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1 không người trông giữ; T dùng xe giao cho T1 điều khiển để cảnh giới rồi đi bộ đến dùng đoạn mở khóa, điều khiển xe mô tô biển số 92L1-336.78 cùng T1 bỏ chạy. T1 điều khiển xe về nhà, còn T liên hệ đối tượng tên Tèo (không rõ nhân thân, lai lịch) rồi điều khiển xe vừa trộm cắp được đến trước nhà số 190 Bình Trị Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân bán cho Tèo với giá 10.000.000 đồng. Sau đó, T đi xe ôm về nhà tại số 169/72/200B NTT, Phường HH, Quận BT nói T1 biết bán xe được 10.000.000 đồng và cho T1 1.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận số 163/KL-HĐĐGTTTHS ngày 13/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 mô tô hiệu Honda, loại Vario biển số: 92L1-336.78, trị giá 22.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Ngày 07/6/2022, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Vario biển số 59E1-914.09 chở Trần Thị T1 đến đối diện số 129 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, T phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 66P2-091.88 của ông Nguyễn Hữu N không người trông giữ. T dùng xe giao cho T1 điều khiển cảnh giới, T đi bộ đến dùng đoạn mang theo mở khóa xe mô tô biển số 66P2-091.88 rồi điều khiển xe cùng T1 bỏ chạy về nhà số 169/72/200B NTT, phường HH, Quận BT, T tháo biển số 66P2-091.88 đem đến cầu Sài Gòn vứt bỏ xuống sông và gắn biển số giả (không nhớ số) vào xe vừa trộm cắp được. T đưa

xe cho Trần Xuân H là em họ T1 đem đi cất giấu; đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/6/2022, H đem xe về giao cho T. Sau đó, T liên hệ với Trần Trường G nói bán xe mô tô do T trộm được, G đồng ý mua xe với giá 5.000.000 đồng. T điều khiển xe đến ngã ba đường Liên khu 4-5 với Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân giao xe cho G. Lúc này, G đi cùng Lê Thành D đến nhận xe, sau khi kiểm tra xe, G đưa T 5.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, T cho H 150.000 đồng, còn lại T cất giữ tiêu xài chung cùng T1. Sau khi sự việc xảy ra, ông N đã đến Công an phường Bến Nghé, Quận 1 trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận số 162/KL-HĐĐGTTTHS ngày 13/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số: 66P2-091.88, trị giá 14.500.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Nguyễn Công T, Trần Thị T1, Nguyễn Trường G và Lê Thành D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của T, T1, G và D phù hợp với biên bản ghi nhận sự việc, các hình ảnh camera tại hiện trường, các biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, biên bản đối chất, nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Công T 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Thị T1 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trường G, bị cáo Lê Thành D phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; phạt bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D, mỗi bị cáo 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/11/2022.

Giao bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi Hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D ngay tại phiên tòa do bị cáo xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

- Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Công T bồi thường cho ông Ngô Lê Đạt P số tiền 8.800.000 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1 liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thảo V số tiền 36.000.000 đồng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1, bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hữu N số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1, bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 440.000 đồng; bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.800.000 đồng; bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1, bị cáo Trần Trường G, bị cáo Lê Thành D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2022, bị cáo Trần Thị T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/12/2022, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HSST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công T; sửa phần trách nhiệm bồi thường dân sự và nghĩa vụ nộp án phí đối với từng bị cáo trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin được hưởng án treo, vì bị cáo có hoàn cảnh neo đơn, đang nuôi hai con nhỏ sinh năm 2017 và sinh năm 2022.

Về bồi thường dân sự:

Bị cáo Nguyễn Công T trình bày: Bị cáo thừa nhận đã trộm cắp bốn chiếc xe máy như trên, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền giá trị các chiếc xe đã chiếm đoạt. Riêng đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 66P2-091.88 định giá chiếc xe trên có trị giá là 14.500.000 đồng; tuy nhiên, bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cùng với các bị cáo T1, G và D.

Các bị cáo Trần Trường G và Lê Thành D cùng trình bày: Hai bị cáo thừa nhận có mua của T chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 66P2-091.88 với giá 5.000.000 đồng. Các bị cáo được biết tại bản Kết luận định giá chiếc xe trên có trị giá là 14.500.000 đồng, tuy nhiên các bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cùng với bị cáo T và T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HSST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Trần Trường G, Lê Thành D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công T mặc dù bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô, theo Kết luận định giá tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng và chưa bị xử lý là thiếu sót. Các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Thị T1 bị tuyên liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thảo V số tiền 36.000.000 đồng và liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.800.000 đồng nhưng không tuyên số tiền cụ thể của từng bị cáo phải bồi thường và án phí dân sự sơ thẩm của từng bị cáo là không đúng. Các bị cáo Trần Trường G và Lê Thành D không bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản mà bị xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không có nghĩa vụ bồi thường nhưng hai bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho bị hại trong vụ án nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên ghi nhận sự tự nguyện của các Trần Trường G, Lê Thành D, Nguyễn Công T và Trần Thị T1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hữu N số tiền 15.000.000 đồng mà không tuyên số tiền bồi thường cụ thể của từng bị cáo phải bồi thường dẫn đến tuyên án phí dân sự sơ thẩm không đúng theo quy định Điều 587 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công T, sửa phần trách nhiệm bồi thường dân sự và nghĩa vụ nộp án phí đối với từng bị cáo trong vụ án.

Về kháng cáo của bị cáo Trần Thị T1, xét thấy bị cáo Trần Thị T1 là lao động chính, đang nuôi hai con nhỏ sinh năm 2017 và năm 2022, nên đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T1, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị T1 và Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Thị T1, Trần Trường G, Lê Thành D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/12/2020, tại trước chung cư SCN, số 27 NHT, phường TH, Quận B, bị cáo T cùng đối tượng tên Giàu đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade màu đen, biển số 60U2-8151 của ông Ngô Lê Đạt P trị giá 8.800.000 đồng; cũng hành vi tương tự vào ngày 06/3/2021, tại khu vực bến tàu Bạch Đằng, đối diện số 10B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, bị cáo T cùng đối tượng tên Giàu đã trộm cắp xe mô tô hiệu Honda, loại Future Neo, màu đỏ đen, biển số 51M5-4677 của ông Võ Tấn L trị giá 10.500.000 đồng. Ngoài ra, vào các ngày 04/6/2022, 07/6/2022, tại khu vực đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, bị cáo T cùng với bị cáo T1 đã có hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Honda, loại Vario biển số 92L1-336.78 của bà Nguyễn Thị Thảo V trị giá 22.500.000 đồng và xe mô tô hiệu Honda, loại Wave biển số 66P2-091.88 của ông Nguyễn Hữu N trị giá 14.500.000 đồng.

Sau khi lấy trộm được tài sản, T đã liên hệ với Trần Trường G để bán xe do T vừa trộm được, G biết được xe do T phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua. T điều khiển xe đến ngã ba Liên khu 4-5 với Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân giao xe cho G. G đi cùng Lê Thành D đến nhận xe và đưa T 5.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Thị T1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; hành vi của các bị cáo Trần Trường G, Lê Thành D đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 05 năm tù; căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị T1 01 năm tù; căn cứ khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị

cáo Trần Trường G 01 năm tù và bị cáo Lê Thành D 01 năm tù có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Thị T1: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bản thân bị cáo đang chăm sóc nuôi dưỡng hai con nhỏ sinh năm 2017 và năm 2022 và từ khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, việc bắt giam bị cáo là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo T1.

[5] Xét Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Bị cáo Nguyễn Công T đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô, theo Kết luận định giá tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng và chưa bị xử lý là thiếu sót, Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Công T là phù hợp, nên Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Công T, nhưng không tăng nặng hình phạt.

[5.2] Các bị cáo Nguyễn Công T, Trần Thị T1 bị tuyên liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thảo V số tiền 36.000.000 đồng và liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.800.000 đồng, nhưng không tuyên số tiền cụ thể của từng bị cáo phải bồi thường là 18.000.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của các Trần Trường G, Lê Thành D, Nguyễn Công T và Trần Thị T1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hữu N số tiền 15.000.000 đồng mà không tuyên số tiền bồi thường cụ thể của từng bị cáo phải bồi thường dẫn đến tuyên án phí dân sự sơ thẩm không đúng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tự nguyện bồi thường như sau:

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade màu đen, biển số 60U2-8151 của ông Ngô Lê Đạt P, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho ông Ngô Lê Đạt P toàn bộ theo giá của Kết luận định giá tài sản là 8.800.000 đồng.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Vario biển số 92L1-336.78 của bà Nguyễn Thị Thảo V, bị cáo Nguyễn Công T tự nguyện cùng bồi thường số tiền là 36.000.000 đồng theo yêu cầu của bà V. Bị cáo T1 đồng ý bồi thường theo kết luận định giá là 22.500.000 đồng. Do đó, bị cáo T1 phải bồi thường cho bà V số tiền $22.500.000 \text{ đồng} \times \frac{1}{2} = 11.250.000 \text{ đồng}$, bị cáo phải T bồi thường cho bà V số tiền $36.000.000 \text{ đồng} - 11.250.000 \text{ đồng} = 24.750.000 \text{ đồng}$.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển số 66P2-091.88 của ông Nguyễn Hữu N theo Kết luận định giá có trị giá 14.500.000 đồng. Tuy nhiên,

các bị cáo Trần Trường G, Lê Thành D, Nguyễn Công T và Trần Thị T1 đồng ý bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 3.750.000 đồng.

Sự thỏa thuận của các bị cáo là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T1 nên bị cáo T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Công T phải nộp án phí là $(8.800.000 \text{ đồng} + 24.750.000 \text{ đồng} + 3.750.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.865.000 \text{ đồng}$;

- Bị cáo Trần Thị T1 phải nộp án phí là $(11.250.000 \text{ đồng} + 3.750.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 750.000 \text{ đồng}$;

- Các bị cáo Trần Trường G, Lê Thành D mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS ngày 15/12/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T1;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Căn cứ các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2022.

2. Căn cứ các khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị T1 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T1 cho Ủy ban nhân dân phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ các khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D, mỗi bị cáo 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Giao bị cáo Trần Trường G, Lê Thành D cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Thị T1, Trần Trường G, Lê Thành D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

4. Căn cứ các Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Bị cáo Nguyễn Công T phải bồi thường cho ông Ngô Lê Đạt P số tiền 8.800.000 (tám triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Công T và bị cáo Trần Thị T1 phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thảo V số tiền 36.000.000 (ba mươi sáu triệu đồng), trong đó bị cáo Nguyễn Công T phải bồi thường số tiền là 24.750.000 (hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và bị cáo Trần Thị T1 phải bồi thường số tiền là 11.250.000 (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Công T, bị cáo Trần Thị T1, bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hữu N số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.865.000 (một triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng;

Bị cáo Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

Bị cáo Trần Trường G và bị cáo Lê Thành D mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Trần Thị T1, Trần Trường G, Lê Thành D.)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - TAND Cấp Cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - TAND Quận 1; | (1) |
| - VKSND Quận 1; | (1) |
| - Công an Quận 1; | (1) |
| - Chi cục THADS Quận 1; | (1) |
| - Bị cáo; | (4) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (4) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (25). | (7) |

Phạm Uyên Thy